

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 5 – 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Anh Đức.

2. Bà Trần Thị Tuyết Ngọc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn T – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mỹ H.**

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên lạc: Đường Q, Khóm X, Phường Y, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T.**

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên lạc: Ấp T, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Mỹ H trình bày:

Bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên vào

ngày 09-12-2010. Thời gian đầu, vợ chồng sống cũng hạnh phúc, hoà thuận. Đến khoảng năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, tình cảm không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Hiện tại, bà H và ông T không còn sống chung như vợ chồng. Nay bà H yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Ông, bà có một người con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27-01-2016, đang sống với bà H, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng; ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu N theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị Mỹ H về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông không muốn ly hôn, nhưng nếu bà H vẫn quyết định yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27-01-2016 đã chung sống với ông T từ khi sinh ra cho đến nay; ông có công việc và thu nhập ổn định, có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành; ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Ý kiến của con chung:

Trong biên bản ngày 22-4-2024, Tòa án ghi ý kiến của cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27-01-2016, thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Trần Thị Mỹ H. Tuy nhiên, tại phiên toà thì cháu N có ý kiến như sau: Cháu có nguyện vọng được sống chung với cha là ông Nguyễn Văn T, vì cha thường xuyên ở bên cháu, chăm sóc, lo cho cháu đi học; còn mẹ của cháu ít ở nhà; trước đây cháu có ý kiến muốn sống với mẹ là do mẹ của cháu hăm dọa, bắt buộc cháu phải nói như vậy.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn; để đảm bảo cuộc sống của con chung không bị xáo trộn, ảnh hưởng tâm lý nên cần tiếp tục giao con chung cho ông T tiếp tục chăm sóc,

nuôi dưỡng; bà H không phải cấp dưỡng nuôi con; đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn là bà H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Việc vắng mặt của đương sự không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà H và ông T thống nhất với nhau về: Thời gian đăng ký kết hôn, về con chung, Tài sản chung và nợ chung. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định các tình tiết về vấn đề này là sự thật.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H với ông T được gia đình tổ chức đám cưới, trên cơ sở tự nguyện; căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp, thì Bà H với ông T đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 09-12-2010. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và hiện nay không còn sống chung. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông T không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và vắng mặt tại phiên hoà giải mà không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông T không có thiện chí gặp gỡ bà H, không có giải pháp nhằm khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ; trong khi đó bà H xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông T và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; tại phiên tòa, ông T cũng chấp nhận ly hôn.

Do đó, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung:

Bà H với ông T có một người con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27-01-2016, đang sống với bà H. Bà H và ông T đều yêu cầu giao con chung cho mình trực tiếp nuôi dưỡng và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên toà, cháu N có nguyện vọng được sống chung với ông Nguyễn Văn T. Ông T cho rằng ông có công việc và thu nhập ổn định, có khả năng và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Xét thấy, cháu N đang sống chung với ông T, do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, nhằm ổn định cuộc sống cho con chung; tôn trọng ý kiến nguyện vọng của cháu N; đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên khi bà H và ông T ly hôn, nên cần giao con chung cho ông T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi theo quy định tại các Điều 58; khoản 1 và 2 Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quyền, nghĩa vụ của bà H đối với con chung: Bà H không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông T; bà cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà H với ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Do đó, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên toà là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1 và 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 27-01-2016 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N tròn 18 (mười tám) tuổi.

2.2. Bà Trần Thị Mỹ H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N được sống chung với ông T.

2.3. Bà Trần Thị Mỹ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.4. Bà Trần Thị Mỹ H không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004569 ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh